

CTCP DỊCH VỤ HÀNG HÓA SÀI GÒN (HSX: SCS)

KQKD chậm lại bởi những tác động tiêu cực từ xung đột Trung Đông

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q1-FY26	Q4-FY25	+/- qoq	Q1-FY25	+/- yoy
Doanh thu thuần	272	327	-17%	266	2%
Lợi nhuận sau thuế	173	188	-8%	170	2%
EBIT	198	215	-8%	201	-2%
Tỷ suất EBIT	73%	66%	694 bps	76%	-288 bps

Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Q1-FY26: Xung đột tại Trung Đông tác động tiêu cực đến KQKD

- Trong Q1-FY26, doanh thu và LNST của SCS lần lượt đạt 272 tỷ đồng (+2% YoY) và 173 tỷ đồng (+2% YoY). Sản lượng hàng quốc tế sụt giảm kéo theo doanh thu tăng trưởng chậm. Xung đột xảy ra tại Trung Đông, tác động trực tiếp đến các khách hàng của SCS là hai hãng hàng không lớn Emirates và Qatar Airway. Sản lượng hàng quốc tế và nội địa lần lượt đạt 47 nghìn tấn (-5% YoY) và 14 nghìn tấn (-4% YoY).
- Doanh thu tài chính trong Q1-FY26 đạt 22 tỷ đồng (+60% YoY), đóng góp khoảng 10% vào LNTT của Công ty. Quy mô tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn lớn, đạt 1.500 tỷ đồng (+27% YoY), tương đương 72% tổng tài sản. Đồng thời, lãi suất tiền gửi bình quân đạt 5,8%/năm (+130 bps YoY), phù hợp với xu hướng tăng lãi suất huy động tại các NHTM, qua đó tiếp tục củng cố hiệu quả hoạt động tài chính của SCS.
- Biên lợi nhuận gộp thu hẹp 2,7 điểm phần trăm svck, xuống 78,4%, do sản lượng suy giảm khiến doanh thu thấp hơn cùng kỳ trong khi phần lớn chi phí cố định không thay đổi. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu được kiểm soát tốt, duy trì ở mức 5,8%, gần như đi ngang svck. Dù biên gộp thu hẹp, hiệu quả từ hoạt động tài chính đã giúp SCS duy trì biên lợi nhuận ròng ở mức cao 63,8%, tương đương cùng kỳ năm trước.

Triển vọng Q2-FY26: Dẫn hồi phục trong giai đoạn tái cơ cấu mạng lưới vận chuyển

- Sản lượng hàng hóa của SCS tiếp tục chịu áp lực do xung đột Trung Đông kéo dài và giá nhiên liệu hàng không tăng cao. Hàng hóa quốc tế, hai khách hàng lớn là Emirates và Qatar Airways chịu ảnh hưởng từ việc tái cấu trúc mạng lưới khai thác, khiến sản lượng tháng 4-5/2026 đạt 33,3 nghìn tấn (-7% YoY), chúng tôi ước tính sản lượng Q2-FY26 đạt 51 nghìn tấn (-6% YoY). Hàng hóa nội địa, các hãng bay giảm tần suất bay bởi giá nhiên liệu cao, duy trì sản lượng khai thác ở mức thấp với sản lượng trung bình 4 tấn/tháng, qua đó sản lượng Q2-FY26 dự kiến đạt 12 nghìn tấn (-5% YoY).
- Các chỉ tiêu tài chính của SCS tiếp tục được duy trì ở mức cao và không có biến động đáng kể với biên gộp và biên ròng lần lượt là 79% (-1 pps YoY) và 65% (đi ngang svck).
- Dự phóng Q2-FY26, doanh thu và LNST của SCS lần lượt đạt 282 tỷ đồng (-3% YoY) và 184 tỷ đồng (-3% YoY). Lũy kế 12 tháng, EPS tương ứng là 7.898 VND.

Quan điểm và khuyến nghị

Trong dài hạn, triển vọng tăng trưởng của SCS phụ thuộc vào kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tại Sân bay quốc tế Long Thành (LTIA). Hiện nay, lộ trình khai thác dự kiến là vào năm 2027 và kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tại LTIA chưa có chuyển biến mới. Do đó, chúng tôi duy trì hai kịch bản cho sự kiện này, đó là: **Không được lựa chọn (kịch bản 1)** và **Được lựa chọn (kịch bản 2)** vào LTIA. Sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền (FCFF), giá mục tiêu cho hai kịch bản lần lượt là **53.600 VNĐ/cổ phiếu** và **118.200 VNĐ/cổ phiếu**. Chúng tôi khuyến nghị **QUAN SÁT** với mục tiêu giúp nhà đầu tư có thông tin, nhận định khách quan và đưa ra quyết định giao dịch khi thông tin chính thức được công bố.

(Xem thêm Báo cáo Cập nhật định giá)

QUAN SÁT

Giá thị trường (VND)	49.500
Giá mục tiêu (VND)	N/A

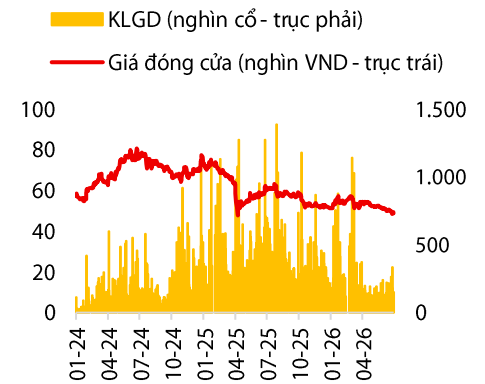
Dự kiến cổ tức tiền mặt 1 năm tới: 5.000 VND/cp

Thông tin cổ phiếu

Ngành	Du lịch và Giải trí
Vốn hóa (tỷ đồng)	4.792
SLCPDLH (triệu CP)	96
KLGD bình quân 20 phiên (nghìn CP)	137
Free Float (%)	40
Giá cao nhất 52 tuần	63.131
Giá thấp nhất 52 tuần	48.300
Beta	0,9

	FY2025	Hiện tại
EPS	7.358	7.391
Tăng trưởng EPS (%)	8,4	0,4
P/E	7,3	7,0
P/B	3,7	3,0
EV/EBITDA	6,0	5,3
ROE (%)	50,6	47,5

Diễn biến giá



Cổ đông lớn (%)

CTCP Gemadept	33,42
TCT Cảng hàng không Việt Nam	13,62
CT TNHH MTV sửa chữa máy bay 41	7,07
Khác	45,89
Giới hạn sở hữu NĐTNN còn lại (%)	9,53

Phòng Phân tích Ngành Hàng không

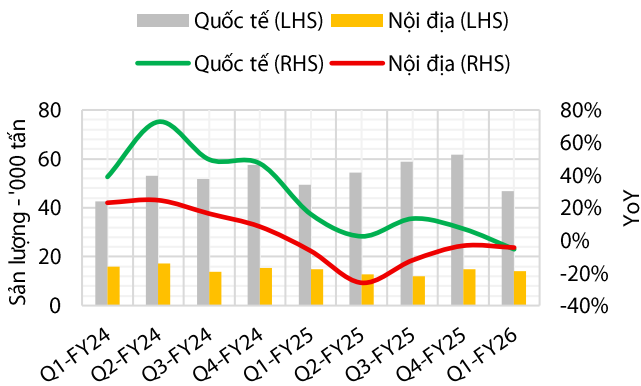
phantich@vdsc.com.vn

KQKD Q1-FY26: Doanh thu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai chữ số nhưng lợi nhuận tăng trưởng chậm dần

Doanh thu và LNST của SCS lần lượt đạt 272 tỷ đồng (+2% YoY) và 173 tỷ đồng (+2% YoY), tương ứng hoàn thành 21%/23% kế hoạch năm và 21%/21% dự phóng năm 2026 của chúng tôi. Trong đó, doanh thu khai thác nhà ga hàng hóa đạt 255 tỷ đồng (+3% YoY), đây là lĩnh vực kinh doanh trọng yếu của SCS, đóng góp 95% tổng doanh thu.

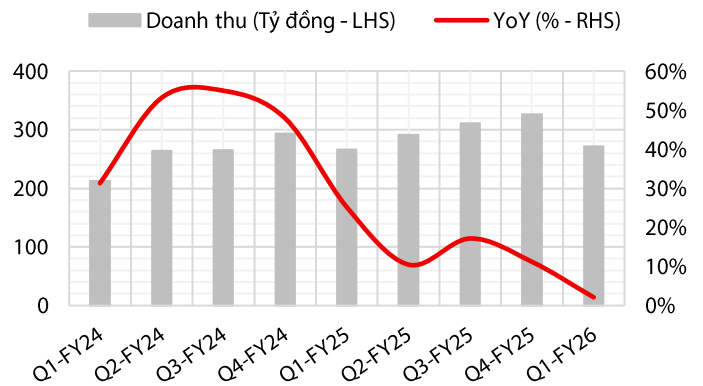
- **Sản lượng quốc tế:** đạt 47 nghìn tấn (-6% YoY). Sản lượng quốc tế tăng trưởng âm do ảnh hưởng của kỳ nghỉ lễ Tết nguyên đán năm 2026 kéo dài hơn so với cùng kỳ và ảnh hưởng từ xung đột tại Trung Đông. Các quốc gia trong khu vực này đóng cửa không phận làm một số tuyến bay bị gián đoạn, các hãng hàng không lớn như Emirates và Qatar Airways cũng cắt giảm tần suất bay, tác động tiêu cực đến sản lượng vận tải hàng hóa.
- **Sản lượng nội địa:** đạt 14 nghìn tấn (-4% YoY). Sản lượng nội địa giảm đáng kể trong tháng 03/2026, do những tác động từ xung đột Trung Đông làm giá nhiên liệu máy bay tăng cao, các hãng hàng không nội địa cắt giảm tần suất bay. Sự sụt giảm này nhìn chung không ảnh hưởng lớn đến doanh thu của SCS khi hàng hóa nội địa chỉ chiếm khoảng 5% doanh thu khai thác nhà ga.

Hình 1: Sản lượng hàng hóa



Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Hình 2: Doanh thu của SCS



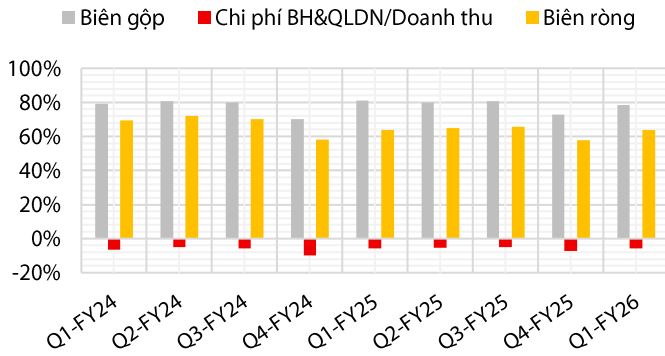
Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Doanh thu tài chính đạt 22 tỷ đồng (+60% YoY), đóng góp tỷ trọng 10% vào LNST. SCS sở hữu 1.500 tỷ đồng tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn (+27% YoY), chiếm 72% tổng tài sản của Công ty. Lãi suất bình quân trong Q1-FY26 đạt 5,8%/năm, tăng 130 bps YoY, phù hợp với xu hướng gia tăng lãi suất tiền gửi tại các NHTM.

Các chỉ tiêu sinh lời của SCS được duy trì ở mức cao

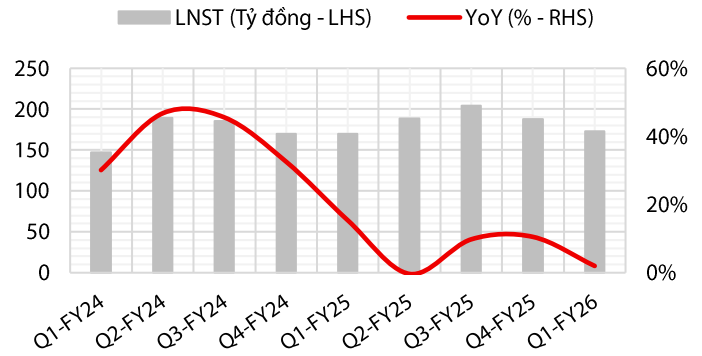
- Do sản lượng Q1-FY26 sụt giảm, doanh thu tạo ra thấp hơn cùng kỳ, trong khi định phí không thay đổi nên biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp 2,7 pps YoY, đạt 78,4%.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN)/doanh thu giảm nhẹ svck, ghi nhận mức 5,8% (đi ngang svck).
- Mặc dù biên gộp thu hẹp nhưng nhờ hoạt động tài chính hiệu quả nên biên ròng được duy trì ở mức cao, đạt 63,8% (đi ngang svck).

Hình 3: Chỉ tiêu sinh lời của SCS



Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Hình 4: LNST của SCS



Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Bảng 1: KQKD Q1-FY25 của SCS

Đơn vị: Tỷ đồng	Q1-FY26	+/- QoQ	+/- YoY	% Kế hoạch 2026	% Dự phóng 2026
Sản lượng ('000 tấn)	61	-21%	-5%		20%
Quốc tế	47	-24%	-5%		19%
Nội địa	14	-5%	-4%		24%
Doanh thu thuần	272	-17%	2%	21%	21%
Khai thác nhà ga	255	-17%	2%		
Cho thuê sân đậu máy bay	1	0%	0%		
Cho thuê văn phòng, bãi đỗ xe	15	-5%	-3%		
Giá vốn hàng bán	59	-34%	17%		
Khai thác nhà ga	54	-35%	18%		
Cho thuê sân đậu máy bay	1	0%	-1%		
Cho thuê văn phòng, bãi đỗ xe	3	-4%	5%		
Lợi nhuận gộp	213	-10%	-1%		21%
Chi phí bán hàng và quản lý	16	-33%	6%		
EBIT	197	-8%	-2%		
Doanh thu tài chính	22	3%	60%		
Chi phí tài chính	0	N/A	N/A		
LNTT	219	-7%	2%	23%	22%
LNST	173	-8%	2%		21%

Nguồn: SCS, CTCK Rồng Việt

Bảng 2: Chỉ tiêu tài chính của SCS trong Q2-FY25

Chỉ tiêu	Q1-FY26	Q4-FY25	+/-QoQ	Q1-FY25	+/-YoY
Hiệu quả sinh lợi (%)					
Biên lợi nhuận gộp	78	73	552 bps	81	-270 bps
EBITDA/Doanh thu	77	70	712 bps	80	-289 bps
EBIT/Doanh thu	73	66	694 bps	76	-288 bps
TS lợi nhuận ròng	64	58	619 bps	64	-8 bps
Hiệu quả hoạt động (*) (x)					
- Số ngày tồn kho	0	-	0	-	0
- Số ngày phải thu	37	36	1	35	2
- Số ngày phải trả	8	9	-1	9	-1
Đòn bẩy (%)					
Tổng nợ/Tổng Vốn CSH	0	0	0	0	0

Nguồn: CTCK Rồng Việt, (*) thường niên hóa

Dự phóng KQKD Q2-FY26
Bảng 2: Dự phóng KQKD Q2-FY26

Đơn vị: Tỷ đồng	Q2-FY26	+/- QoQ	+/- YoY	Giải định
Sản lượng ('000 tấn)	63	4%	-6%	
Quốc tế	51	9%	-6%	Các hãng hàng không đang tái cấu trúc mạng lưới khai thác và điều chỉnh các luồng vận tải, tuy nhiên quá trình này diễn ra tương đối chậm do vai trò quan trọng trung tâm của các điểm trung chuyển tại Trung Đông trong chuỗi vận tải hàng không toàn cầu. Đồng thời, các chủ hàng phải tìm kiếm phương thức vận chuyển thay thế, giá nhiên liệu hàng không gia tăng đã gây áp lực lên sản lượng vận tải hàng không. SCS cũng chịu ảnh hưởng khi hai khách hàng lớn là Emirates và Qatar Airways đều có mạng lưới khai thác phụ thuộc đáng kể vào khu vực Trung Đông. Lũy kế tháng 4-5/2026, sản lượng hàng hóa đạt 33,3 nghìn tấn (-7% YoY), do chịu tác động từ căng thẳng địa chính trị tại khu vực này. Chúng tôi ước tính sản lượng Q2-FY26 đạt 51 nghìn tấn (-6% YoY).
Nội địa	12	-14%	-5%	Sản lượng hàng hóa nội địa tiếp tục âm đạm khi đạt 8 nghìn tấn trong giai đoạn tháng 4-5/2026 (-5% YoY). Vietjet – khách hàng nội địa lớn nhất của SCS – đã ổn định quy trình vận hành dịch vụ mặt đất, sản lượng khai thác vẫn ở mức thấp, bình quân khoảng 4 tấn/tháng. Đồng thời, chi phí nhiên liệu tăng cao đã làm giảm tần suất khai thác các chuyến bay. Chúng tôi ước tính sản lượng Q2-FY26 đạt 12 nghìn tấn (-5% YoY).
Giá bình quân (triệu VND/tấn)	4,2	0%	3%	Giá dịch vụ bình quân được duy trì ở mức 4,2 triệu VND/tấn, đi ngang so với quý trước.
Doanh thu thuần	282	4%	-3%	
Khai thác nhà ga	266	4%	-3%	Doanh thu khai thác nhà ga giảm nhẹ do tụt giảm về sản lượng.
Cho thuê sân đậu máy bay	1	0%	0%	
Cho thuê văn phòng, bãi đỗ xe	16	4%	-3%	
Giá vốn hàng bán	59	0%	1%	
Lợi nhuận gộp	224	5%	-4%	
Chi phí QLDN	16	0%	4%	Chúng tôi giải định tỷ lệ chi phí QLDN/doanh thu thuần của SCS duy trì ở mức bình quân 6%.
Doanh thu tài chính	22	2%	22%	
LNTT	208	5%	-3%	
LNST	184	6%	-3%	
Chỉ tiêu tài chính				
Biên gộp	79%	82 bps	-76 bps	
Chi phí QLDN/doanh thu thuần	6%	-22 bps	40 bps	
Biên LNTT	82%	104 bps	45 bps	
Biên LNST	65%	140 bps	37 bps	

Nguồn: CTCK Rồng Việt

KỊCH BẢN 1 – KHÔNG THAM GIA VÀO SÂN BAY QUỐC TẾ LONG THÀNH

KQ HKKD	Tỷ đồng				BẢNG CĐKT	Tỷ đồng			
	2024A	2025A	2026F	2027F		2024A	2025A	2026F	2027F
Doanh thu thuần	1.037	1.197	1.314	766	Tiền	317	108	174	60
Giá vốn	236	258	291	196	Đầu tư ngắn hạn	954	1.448	1.448	1.448
Lãi gộp	801	939	1.023	569	Khoản phải thu	111	131	144	84
Chi phí bán hàng & QLDN	71	69	85	54	Hàng tồn kho	0	0	0	0
Thu nhập từ HĐTC	57	71	78	72	Tài sản ngắn hạn khác	6	6	6	4
Chi phí tài chính	0	0	0	14	Tài sản cố định hữu hình	446	409	374	340
Lợi nhuận khác	-2	-1	-1	0	Tài sản cố định vô hình	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	783	940	1.014	574	Đầu tư dài hạn	63	63	63	63
Thuế TNDN	90	189	203	115	Tài sản dài hạn khác	509	472	437	402
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	Tổng tài sản	1.898	2.166	2.210	1.998
Lợi nhuận sau thuế	693	751	811	459	Khoản phải trả	6	6	8	5
EBIT	729	870	937	516	Vay và nợ ngắn hạn	0	98	0	286
EBITDA	773	916	977	555	Vay và nợ dài hạn	0	0	0	0
					Vay và nợ khác	486	500	533	311
					Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0	0
					Quỹ khoa học công nghệ	0	0	0	0
					Tổng nợ	492	604	541	602
					Vốn đầu tư của CSH	949	949	949	949
					Cổ phiếu ưu đãi	72	72	72	72
					Lợi nhuận giữ lại	370	526	634	361
					Thu nhập khác	15	15	15	15
					Quỹ đầu tư và phát triển	0	0	0	0
					Tổng vốn	1.898	2.166	2.210	1.998
					Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2024A	2025A	2026F	2027F	CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ	2024A	2025A	2026F	2027F
Tăng trưởng (%)					EPS (đồng)	7.302	7.915	8.550	4.837
Doanh thu	47,1	15,4	9,8	-41,7	P/E (x)	12,2	7,2	7,6	14,1
LNTT và lãi vay	51,0	19,4	7,8	-45,0	BV (đồng)	14.816	16.458	17.589	14.717
Lợi nhuận sau thuế	39,0	8,4	8,0	-43,4	P/B (x)	5,7	3,3	3,3	3,9
Tổng tài sản	11,4	14,1	2,0	-9,6	DPS (đồng/cp)	5.000	6.000	7.000	7.000
Vốn chủ sở hữu	11,4	14,1	2,0	-9,6	Tỷ suất cổ tức (%)	6,9	11,7	12,1	12,1
Khả năng sinh lợi (%)					LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ	GIÁ KHUYẾN NGHỊ	THỜI HẠN		
LN gộp/Doanh thu	75,5	78,5	77,2	74,9	04/2025	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
LNTT và lãi vay/Doanh thu	70,3	72,7	71,4	67,3	04/2026	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
LNST/Doanh thu	66,8	62,8	61,8	59,9	06/2026	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
ROA	36,5	34,7	36,7	23,0					
ROE	49,3	48,1	48,6	32,9					
Hiệu quả hoạt động (ngày)									
Số ngày phải thu	39	40	40	40					
Số ngày tồn kho	0	0	0	0					
Số ngày phải trả	9	8	10	10					
Khả năng thanh toán (lần)									
Hiện hành	2,8	2,8	3,3	2,7					
Nhanh	2,8	2,8	3,3	2,7					
Cấu trúc tài chính (%)									
Tổng Nợ / VCSH	0	0	0	0					
Vay ngắn hạn/VCSH	0	0	0	0					
Tổng vay/VCSH	0	0	0	0					

KỊCH BẢN 2 – THAM GIA VÀO SÂN BAY QUỐC TẾ LONG THÀNH

KQ HKKD	Tỷ đồng				BẢNG CĐKT	Tỷ đồng			
	2024A	2025A	2026F	2027F		2024A	2025A	2026F	2027F
Doanh thu thuần	1.037	1.197	1.314	1.451	Tiền	317	108	174	342
Giá vốn	236	258	291	386	Đầu tư ngắn hạn	954	1.448	1.448	1.448
Lãi gộp	801	939	1.023	1.066	Khoản phải thu	111	131	144	159
Chi phí bán hàng & QLDN	71	69	85	93	Hàng tồn kho	0	0	0	0
Thu nhập từ HĐTC	57	71	78	87	Tài sản ngắn hạn khác	6	6	6	7
Chi phí tài chính	0	0	0	0	Tài sản cố định hữu hình	446	409	374	340
Lợi nhuận khác	-2	-1	-1	-2	Tài sản cố định vô hình	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	783	940	1.014	1.057	Đầu tư dài hạn	63	63	63	63
Thuế TNDN	90	189	203	211	Tài sản dài hạn khác	509	472	437	402
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	Tổng tài sản	1.898	2.166	2.210	2.359
Lợi nhuận sau thuế	693	751	811	846	Khoản phải trả	6	6	8	11
EBIT	729	870	937	973	Vay và nợ ngắn hạn	0	98	0	0
EBITDA	773	916	977	1.013	Vay và nợ dài hạn	0	0	0	0
					Vay và nợ khác	486	500	533	588
					Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0	0
					Quỹ khoa học công nghệ	0	0	0	0
					Tổng nợ	492	604	541	599
					Vốn đầu tư của CSH	949	949	949	949
					Cổ phiếu ưu đãi	72	72	72	72
					Lợi nhuận giữ lại	370	526	634	725
					Thu nhập khác	15	15	15	15
					Quỹ đầu tư và phát triển	0	0	0	0
					Tổng vốn	1.898	2.166	2.210	2.359
					Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	2024A	2025A	2026F	2027F	CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ	2024A	2025A	2026F	2027F
Tăng trưởng (%)					EPS (đồng)	7.302	7.915	8.550	8.914
Doanh thu	47,1	15,4	9,8	10,5	P/E (x)	12,2	7,2	7,6	7,3
LNTT và lãi vay	51,0	19,4	7,8	3,7	BV (đồng)	14.816	16.458	17.589	18.550
Lợi nhuận sau thuế	39,0	8,4	8,0	4,3	P/B (x)	5,7	3,3	3,3	3,1
Tổng tài sản	11,4	14,1	2,0	6,8	DPS (đồng/cp)	5.000	6.000	7.000	7.000
Vốn chủ sở hữu	11,4	14,1	2,0	6,8	Tỷ suất cổ tức (%)	6,9	11,7	12,1	12,1
Khả năng sinh lợi (%)					LỊCH SỬ ĐỊNH GIÁ	GIÁ KHUYẾN NGHỊ	THỜI HẠN		
LN gộp/Doanh thu	75,5	78,5	77,2	72,9	04/2025	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
LNTT và lãi vay/Doanh thu	70,3	72,7	71,4	67,0	04/2026	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
LNST/Doanh thu	66,8	62,8	61,8	58,3	06/2026	N/A	QUAN SÁT	1 năm	
ROA	36,5	34,7	36,7	35,9					
ROE	49,3	48,1	48,6	48,1					
Hiệu quả hoạt động (ngày)									
Số ngày phải thu	39	40	40	40					
Số ngày tồn kho	0	0	0	0					
Số ngày phải trả	9	8	10	10					
Khả năng thanh toán (lần)									
Hiện hành	2,8	2,8	3,3	3,3					
Nhanh	2,8	2,8	3,3	3,3					
Cấu trúc tài chính (%)									
Tổng Nợ / VCSH	0	0	0	0					
Vay ngắn hạn/VCSH	0	0	0	0					
Tổng vay/VCSH	0	0	0	0					

BÁO CÁO CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

Báo cáo này được lập nhằm mục đích cung cấp cho nhà đầu tư một góc nhìn về doanh nghiệp và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc ra các quyết định đầu tư. Báo cáo được lập trên cơ sở phân tích hoạt động của doanh nghiệp, dự phóng kết quả kinh doanh dựa trên những dữ liệu cập nhật nhất nhằm xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu tại thời điểm phân tích. Chúng tôi đã cố gắng chuyển tải đầy đủ những đánh giá và quan điểm của người phân tích về công ty vào báo cáo này. Nhà đầu tư mong muốn tìm hiểu thêm hoặc có ý kiến phản hồi, vui lòng liên lạc với người phân tích hoặc bộ phận hỗ trợ khách hàng của chúng tôi.

Các loại khuyến cáo

Khuyến Nghị	MUA	TÍCH LŨY	NẮM GIỮ	GIẢM TỶ TRỌNG	BÁN
Tổng mức sinh lời bao gồm cổ tức trong 12 tháng	>20%	5% đến 20%	-5% đến 5%	-20% đến -5%	<-20%

GIỚI THIỆU

CTCP Chứng Khoán Rồng Việt (viết tắt là VDSC) được thành lập vào năm 2006, được phép thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: môi giới, tự doanh, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán. VDSC đã mở rộng mạng lưới hoạt động đến các thành phố lớn trên toàn quốc. Với thành phần cổ đông chiến lược cũng là đối tác lớn như Eximbank, CTCP Quản Lý Quỹ Việt Long,... cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, VDSC có tiềm lực về con người và tài chính để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm – dịch vụ phù hợp và hiệu quả. Đặc biệt, VDSC là một trong số ít các công ty chứng khoán đầu tiên quan tâm phát triển đội ngũ phân tích và ưu tiên nhiệm vụ cung cấp các báo cáo phân tích hỗ trợ thông tin hữu ích cho khách hàng.

Phòng Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư cung cấp các báo cáo về kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán, về chiến lược đầu tư, các báo cáo phân tích ngành, phân tích công ty và các bản tin chứng khoán hàng ngày, hàng tuần.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Thị Phương Lam

Giám đốc Phân tích

lam.ntp@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1313)

Đỗ Thạch Lam

Trưởng phòng cao cấp

lam.dt@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1524)

Trần Thị Ngọc Hà

Trưởng phòng Vận hành

ha.ttn@vdsc.com.vn

+ 84 28 6299 2006 (1526)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Tầng 1 đến tầng 8, tòa nhà Viet Dragon - 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

☎ (+84) 28 6299 2006 ✉ info@vdsc.com.vn
🌐 www.vdsc.com.vn 📠 MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Hà Nội

☎ (+84) 24 6288 2006
☎ (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (+84) 25 8382 0006
☎ (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

☎ (+84) 29 2381 7578
☎ (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

☎ (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

☎ (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Tòa nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

☎ (+84) 25 1777 2006



**DỊCH VỤ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2025
GIẢI THƯỞNG GLOBAL BANKING & FINANCE**

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. RongViet Securities tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được RongViet Securities thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của RongViet Securities. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của RongViet Securities đều trái luật, **Bản quyền thuộc RongViet Securities, 2026.**